TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 88/2024/QĐST-HNGĐ	*Đại Từ, ngày 14 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 117/2024/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm: 1986

ĐKHKTT: Xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

- Bị đơn: Anh Tống Văn S, sinh năm: 1984

ĐKHKTT: Xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị N và Tống Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Hà Thị N và Tống Văn S nhất trí, tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị N và anh S có 02 con chung:

1. Tống Thị Thanh N, sinh ngày 18/7/2005 (đã trưởng thành)

2. Tống Hà Lưu L, sinh ngày 31/8/2011.

Khi ly hôn chị N và anh S đã tự thỏa thuận anh Sang được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Tống Hà Lưu L, sinh

ngày 31/8/2011 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp chị N và anh S có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác. Chị N được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên mà không ai được cản trở. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung chị N và anh S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh S tự thoả thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị N tự nguyện chịu 150.000 đ án phí ly hôn sơ nộp ngân sách nhà nước. Được trừ 150.000 đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005431 ngày 30/5/2024 tại Chi cục THADS huyện Đại Từ. Hoàn trả chị N 150.000 đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005431 ngày 30/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã;
- L- u hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kao Hoàng